TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2026/DSST
Ngày: 07-5-2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Đào;
2. Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia tham gia phiên toà: Ông Võ Hoàng Hạt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2026/TLST-DS ngày 30/01/2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2026/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2026/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Bạch M - sinh năm 1968 (có mặt nhưng bà M cũng có ủy quyền cho ông Lư Trường T theo văn bản được chứng thực ngày 19/12/2026).

Địa chỉ: Ấp R, xã N, Thành phố C (chỗ ở hiện nay ấp A, xã G, tỉnh A).

N*gười đại diện theo ủy quyền của bà Sơn Thị Bạch M là*: Ông Lư Trường T - sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã V, Thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Danh P - sinh năm 1988 và bà Thị Y - sinh 1983 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã G, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2026 và tại phiên tòa người đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lư Trường T trình bày: Bà M và vợ chồng ông Danh P, bà Thị Y là chỗ quen biết nên bà M có cho vợ chồng ông P, bà Y vay 02 lần với số tiền là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) nhưng không có làm giấy nhận nợ. Do đó, đến ngày 19/10/2020, thì bà Thị Y có viết tờ cam kết còn nợ bà M số tiền 42.000.000 đồng. Đồng thời, bà Y có cam kết mỗi tháng trả cho bà M là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Khi cam kết có làm biên nhận có chữ viết, chữ ký của bà Thị Y. Sau khi cam kết thì vợ chồng ông Danh P, bà Thị Y không thực hiện đúng thỏa thuận trả số tiền 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) cho bà M.

Do đó, bà M đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Danh P, bà Thị Y thực hiện việc trả số tiền 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) nhưng vợ chồng ông Danh P, bà Thị Y cố tình không thực hiện để kéo dài đến nay.

Nay, tôi đại diện ủy quyền cho bà M yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Danh P và bà Thị Y phải trả cho bà M số tiền vay còn nợ là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) và chịu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 19/10/2020 đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm và trả một lần hết nợ.

Nguyên đơn bà Son Thị Bạch M1 trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày trên của người đại diện nên tôi không có ý kiến trình bày thêm.

Đối với bị đơn ông Danh P và bà Thị Y thì từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P và bà Y đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Danh P và bà Thị Y đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với đương sự nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn vắng mặt nên không theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Bạch M. Buộc ông Danh P và bà Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà M số tiền 65.217.000 đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng), trong đó: Vốn gốc 42.000.000 đồng và lãi là 23.217.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Sơn Thị Bạch M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh P và bà Thị Y phải trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Danh P và bà Thị Y là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông P, bà Y được tống đạt hợp lệ vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay tiền giữa bà Sơn Thị Bạch M và ông Danh P và bà Thị Y là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Hợp đồng này được giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, bà Sơn Thị Bạch M có cho ông Danh P, bà Thị Y vay số tiền gốc là 42.000.000 đồng và bà Thị Y có cam kết mỗi tháng trả cho bà M là 5.000.000 đồng từ ngày 19/10/2020 đến nay mà ông P, bà Y không thực hiện. Sau đó, bà M đã liên hệ với ông P, bà Y để yêu cầu ông P, bà Y trả số tiền nêu trên cho bà M nhưng ông P, bà Y cam kết mà không thực hiện và để kéo dài đến nay.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Bạch M, HĐXX thấy rằng: Bà Sơn Thị Bạch M và ông ông Danh P, bà Thị Y là chỗ quen biết nên bà M có cho ông P, bà Y vay với số tiền là 42.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong thì ông P, bà Y không có đóng lãi và cũng không trả gốc cho bà M nên bà M đã liên hệ với ông P, bà Y để yêu cầu trả số tiền nêu trên nhưng ông P, bà Y cam kết trả nợ cho bà M mà không thực hiện còn cố tình né tránh. Từ đó, bà Sơn Thị Bạch M khởi kiện yêu cầu ông Danh P, bà Thị Y phải trả cho bà số tiền vốn gốc là 42.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi vì, bà M xác định giấy cam kết trả tiền mà bà cung cấp cho Tòa án là do viết, bà Y ký tên và ghi họ tên. Đồng thời, Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định và ông P là người trực tiếp ký nhận các văn bản của Tòa án nhưng ông P, bà Y không có văn bản nêu ý kiến phản hồi của mình về yêu cầu khởi kiện của bà M. Từ đó, cho thấy ông Danh P, bà Thị Y đã biết được nội dung khởi kiện của bà M nên yêu cầu của bà Sơn Thị Bạch M là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với ông Danh P, bà Thị Y là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi ông P, bà Y thực hiện giao dịch với bà Sơn Thị Bạch M thì ông bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông cư trú, hiện nay ông P, bà Y vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và

Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và tống đạt các văn bản tố tụng cho ông P, bà Y đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng Dân sự và ông P là người trực tiếp ký nhận các văn bản của Tòa án nhưng ông P, bà Y không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông bà. Từ đó, cho thấy ông Danh P, bà Thị Y đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà M. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Danh P, bà Thị Y theo qui định của pháp luật.

Vì vậy, HĐXX căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết. Do đó, HĐXX căn cứ vào "Tờ cam kết ngày 19/10/2020", buộc ông Danh P, bà Thị Y phải trả số tiền vốn gốc 42.000.000 đồng cho bà Sơn Thị Bạch M.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất của bà Sơn Thị Bạch M thì bà yêu cầu tính lãi theo quy định của Nhà nước từ ngày 19/10/2020 đến khi xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, theo quy định của pháp luật, khi thỏa thuận vay tiền đều có lãi trừ trường hợp các đương sự thỏa thuận không có lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Danh P, bà Thị Y không có mặt nên ông bà cũng không có văn bản trình bày về yêu cầu tình lãi của bà M. Do đó, việc bà M yêu cầu tính lãi suất từ ngày 19/10/2020 đến ngày xét xử là phù theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà M yêu cầu lãi suất là 10%/năm là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015:

"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 10%/năm: 12 tháng = 0,83%/tháng nên thời gian tính lãi suất như sau:

Đối với số tiền là 42.000.000 đồng tính từ ngày 19/10/2020 đến ngày xét xử là ngày 07/5/2026 là 66 tháng 18 ngày: (42.000.000 đồng x 0,83%/tháng) x 66 tháng 18 ngày = 23.216.760 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi: 42.000.000đ + 23.216.760đ = 65.216.760 đồng làm tròn 65.217.000 đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Bạch M đối với bị đơn ông Danh P, bà Thị Y. Do đó, buộc ông Danh P, bà Thị Y phải trả cho bà Sơn Thị Bạch M số tiền là 65.217.000 đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổ, bổ sung năm 2025.

[8] Về án phí DSST là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Yêu cầu của bà Mai Thị Bạch M2 được Tòa án chấp nhận nên bà M2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp là 1.602.000 đồng (một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 300845 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Ông Danh P, bà Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 65.217.000 đồng x 5% = 3.260.850 đồng làm tròn là 3.261.000 đồng (ba triệu hai trăm sáu mốt nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Bạch M đối với ông Danh P, bà Thị Y.

Buộc ông Danh P, bà Thị Y phải trả cho bà Sơn Thị Bạch M số tiền là 65.217.000 đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng), trong đó: Vốn gốc 42.000.000 đồng và lãi là 23.217.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 3.261.000 đồng (ba triệu hai trăm sáu mốt nghìn đồng) buộc ông Danh P, bà Thị Y phải nộp.

Bà Sơn Thị Bạch M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp là 1.602.000 đồng (một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 300845 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 07/5/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh